

Số: 533/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy” áp dụng từ Khóa 9 (niên khoá 2018 – 2022) của Học viện Chính sách và Phát triển (*File kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đào Văn Hùng

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533 /HVCSP-QLĐT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản lý công

Tên tiếng Anh: Public Management

- Mã số ngành đào tạo: 7310205

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản lý nhà nước

Tiếng Anh: Bachelor in State Management

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kinh tế đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân về Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu về Quản lý, phân tích và đánh giá chính sách, tổ chức quản lý và triển khai thực hiện các chính sách ở các cấp độ khác nhau trong bộ máy hành chính nhà nước; kiến thức về đầu tư, tài chính kế toán và truyền thông trong khu vực công, có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.



2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, quản lý, đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực công và tư
3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng các công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý kinh tế, quản lý công, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phản biện những vấn đề liên quan đến kinh tế, quản lý.
4. Hiểu về quy trình chính sách và tác động của chính sách, biết vận dụng các kiến thức về quản lý công trong việc lập kế hoạch, hoạch định, tổ chức thực hiện và đề xuất các hàm ý chính sách cho các chương trình, dự án phát triển và chính sách của một tổ chức.
5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

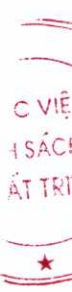
6. Hiểu về vai trò, vị trí tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam và những nội dung cơ bản trong Hiến pháp Việt Nam
7. Hiểu về các lĩnh vực pháp luật khác như: Pháp luật đầu tư, pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử, thương mại.
8. Hiểu về bản chất, vai trò của hoạt động của quản lý trong kinh tế, xã hội, đầu tư phát triển, quản lý công; đầu tư công và quan hệ quốc tế trong đầu tư; quản lý tài chính công; quản lý Nhà nước về kinh tế; quản lý nguồn nhân lực;
9. Biết vận dụng các kiến thức về quản lý công, quản lý kinh tế trong nền kinh tế số; có đủ kiến thức để phục vụ quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến tới nền kinh tế thị trường hiện đại.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

10. Kỹ năng xử lý tình huống, có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn.
11. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn trong phân tích và đề xuất các phương thức quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh; vận hành khu vực hành chính công và các hoạt động kinh tế xã hội trong khu vực khác.

2.2.2. Kỹ năng mềm



12. Có kỹ năng giao tiếp tốt và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế, quản lý; khu vực công và xã hội. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

13. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc bằng tiếng Anh

14. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và điều hành công việc, đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

15. Trở thành công dân có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức chấp hành pháp luật trong nghề nghiệp, thái độ hợp tác trong công việc, có trách nhiệm trong công việc được giao, có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

16. Có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế, sẵn sàng đương đầu với rủi ro, khó khăn, luôn kiên trì, tự tin, lạc quan, sáng tạo trong công việc và cuộc sống.

17. Có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.



CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng

Tên tiếng Anh: Finance - Banking

- Mã số ngành đào tạo: 72340201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng

Tiếng Anh: Bachelor in Finance - Banking

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng:

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về giáo dục đại cương, kiến thức căn bản về ngành Tài chính – Ngân hàng và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Tài chính hoặc Ngân hàng để sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo

trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng và các loại hình tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng chuyên môn, thực hành nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, nghiên cứu, ứng dụng ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm khác... để trở thành một cán bộ tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, làm việc một cách có hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế và áp dụng công nghệ hiện đại.

Giúp cho sinh viên hiểu rõ và trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.

II. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung của ngành

[1] Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2] Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

[3] Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4] Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

[5] Có kiến thức căn bản về nền kinh tế nói chung và ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng như: Kiến thức về tài chính, tiền tệ, thị trường tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, thuế, tài chính công, tài chính quốc tế...

[6] Có khả năng vận dụng các kiến thức căn bản về kinh tế, Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, đầu tư, chứng khoán, bảo hiểm.

2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

a. Chuyên ngành Tài chính

[7] Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài chính công, quản lý tài chính doanh nghiệp hiện đại, bao gồm các kiến thức và nghiệp vụ về phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro tài chính, đầu tư tài chính, thuế trong doanh nghiệp, thuế và hệ thống thuế của Nhà nước, vv.

[8] Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán doanh nghiệp.

[9] Hiểu, vận dụng và phân tích được kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; rủi ro và tỷ suất sinh lời; đầu tư dài hạn và định giá tài sản; vốn kinh doanh của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp. Đánh giá, tổng hợp và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính.

b. Chuyên ngành Tài chính CLC

[7] Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, các kỹ năng để phân tích, đánh giá, và đề xuất các giải pháp liên quan đến hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế như: phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình và quản trị tài chính của doanh nghiệp, phân tích các dự án và cơ hội đầu tư,...

[8] Nắm vững và vận dụng được kiến thức chuyên sâu để thực hành các nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động kế toán, thuế, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán....

[9] Hiểu và có kiến thức chuyên sâu về tài chính quốc tế, về mối liên hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá cũng như ảnh hưởng của các biến số này tới nền kinh tế quốc gia cũng như hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

c. Chuyên ngành Ngân hàng

[7] Nắm vững nguyên lý chung, cũng như kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng như: hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam, hoạt động của ngân hàng trung ương, hoạt động của các ngân hàng thương mại.

[8] Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để biết cách đánh giá, lựa chọn các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp, cũng như phân tích, ra quyết định và hoạch định chính sách liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

[9] Nắm vững các kiến thức về bảo hiểm, ngành liên quan trực tiếp tới ngân hàng.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10] Có kỹ năng tư duy chiến lược, tư duy quản trị, có thể nhận thức và phân tích các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, để vận dụng linh hoạt vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung.

[11] Có thể nhận thức các vấn đề thực tiễn và bối cảnh của tổ chức, kỹ năng thu thập thông tin dữ liệu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, lập luận, vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức của nhóm ngành tài chính để giải quyết các vấn đề thực tế về kinh tế, tài chính, ngân hàng ở tầm vi mô và vĩ mô.

Đối với chuyên ngành Tài chính: Có kỹ năng về nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các hoạt động tài chính - kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trong nước và quốc tế và một số kỹ năng nghiệp vụ quan trọng khác về đầu tư, ngân hàng, tài chính công, tài chính quốc tế, vv.

Đối với chuyên ngành Tài chính chất lượng cao: Có kỹ năng nghiệp vụ trong các ngành nghề khác nhau như kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.... tại các đơn vị công hoặc doanh nghiệp tư nhân trong nước và quốc tế. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc ở cả trong nước và quốc tế.

Đối với chuyên ngành Ngân hàng: Có kỹ năng nghiệp vụ về các hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác trong nước và quốc tế như kế toán, nguồn vốn, tín dụng, đầu tư, thanh toán quốc tế, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro.

[12] Khả năng sử dụng Ngoại ngữ và tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

+ Ngoại ngữ:

Đối với hệ đại học chuẩn (đại trà), sinh viên cần đạt chứng chỉ 450 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (450 TOEFL ITP; 45 TOEFL iBT; 4.5 IELTS).

Đối với hệ Chất lượng cao, sinh viên cần đạt chứng chỉ IELTS 5.5 quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế 4 kỹ năng tương đương (500 TOEFL ITP; 61 TOEFL iBT).

+ Tin học: Sinh viên cần đạt 2 trong 3 chứng chỉ tin học quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) bao gồm Word, Excel và PPT đạt tổng điểm tối thiểu 1400. Hoặc đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/3014/TT-BTTTT).

2.2.2. Kỹ năng mềm

[13] Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

[14] Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng.

2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

[15] Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[16] Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

[17] Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

III. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng sau khi tốt nghiệp:

Đảm nhận công việc ở tất cả các vị trí thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng của các cơ quan nhà nước: Các Bộ, Sở, Phòng, Ban ..., tất cả các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức trong nền kinh tế.

Đảm nhận công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, các Viện nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính- Ngân hàng.

3.1. Chuyên ngành Tài chính

Cử nhân chuyên ngành Tài chính khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau tại các cơ quan quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính, thuế, kho bạc, ngân hàng nhà nước; các viện nghiên cứu kinh tế tổng hợp và liên quan đến tài chính, tiền tệ, quản lý đầu tư; thuế, phân tích định lượng và thẩm định các dự án đầu tư; phân tích tài chính doanh nghiệp, định giá tài sản....; các tổ chức tài chính, các công ty và tập đoàn kinh tế nhà nước và cổ phần của Nhà nước.

3.2. Chuyên ngành Ngân hàng

Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau: chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính – Ngân hàng từ Trung Ương đến địa phương; chuyên viên trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính trung gian, đặc biệt là các vị trí chuyên viên quản lý tín dụng, chuyên viên quan hệ khách hàng, cán bộ tín dụng, cán bộ huy động vốn, chuyên viên quản trị rủi ro (tín dụng, lãi suất, thanh khoản, hoạt động....) giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện, trường đại học và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

3.3. Chuyên ngành Tài chính chất lượng cao

Cử nhân chuyên ngành Tài chính chương trình Chất lượng cao khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau tại: (i) Khối/ban tài chính – kế toán của các doanh nghiệp; (ii) Ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác; (iii) Công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư; (iv) Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (bộ phận tài chính - kế toán của các doanh nghiệp FDI, ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư nước ngoài); (v) Cơ quan

quản lý tài chính cấp Trung ương hoặc địa phương và (vi) Các trường Đại học, Viện nghiên cứu, tổ chức tài chính quốc tế (World Bank, ADB, IMF).

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU, CHUẨN QUỐC TẾ THAM KHẢO

Chương trình đào tạo ngành Ngân hàng của Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

Chương trình đào tạo ngành Tài chính doanh nghiệp của Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Ngân hàng của Đại học Ngoại thương, Việt Nam;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp chương trình chất lượng cao của Học viện Tài chính, Việt Nam;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Đại học Purdue, Mỹ;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Middlesex, Anh;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Đại học Saint Mary, Canada;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính của Đại học Sydney, Australia;

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Quốc Gia Singapore, Singapore.